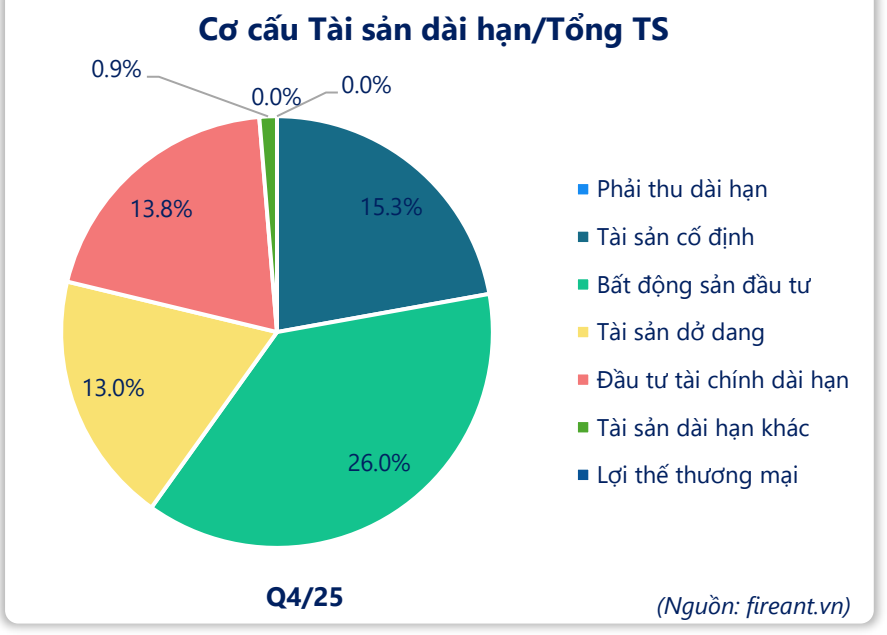
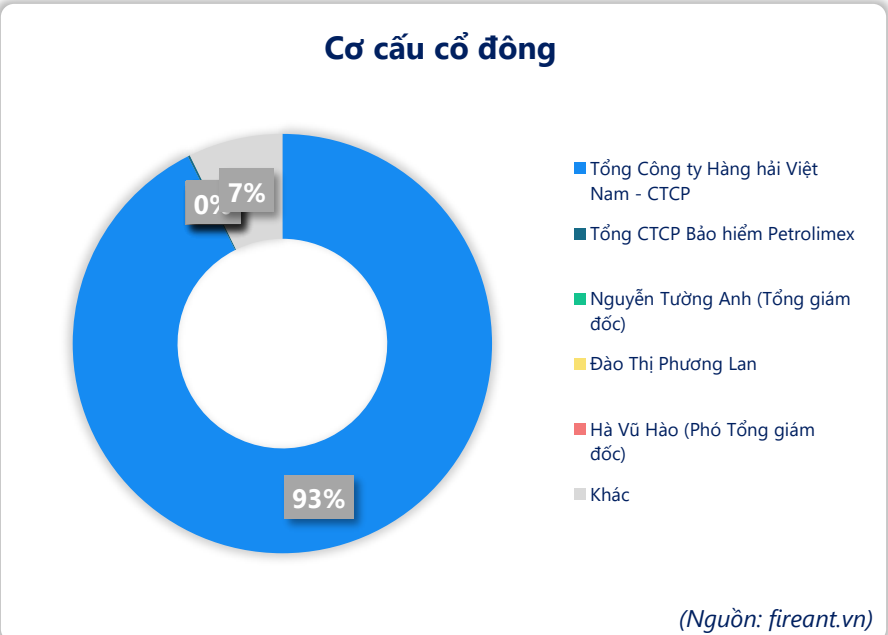
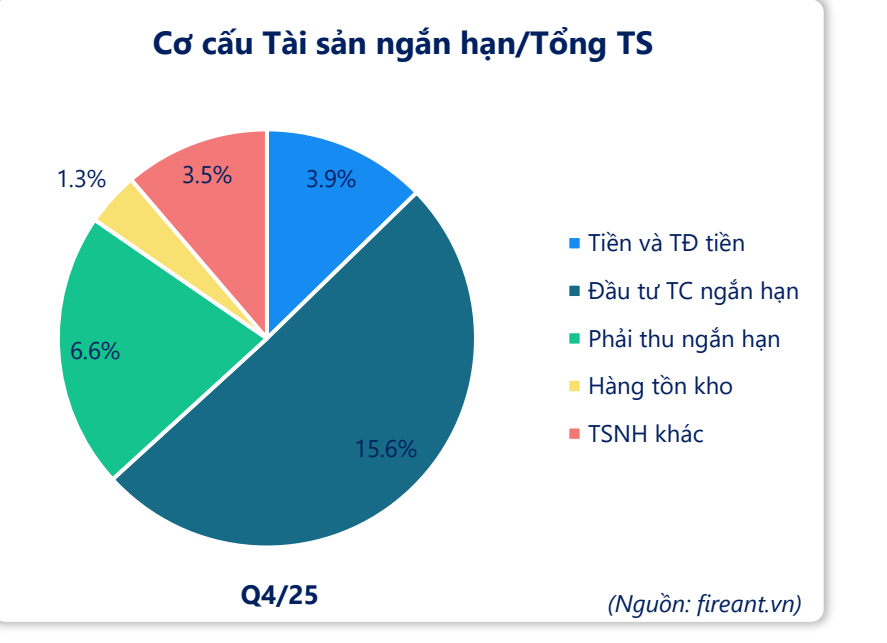
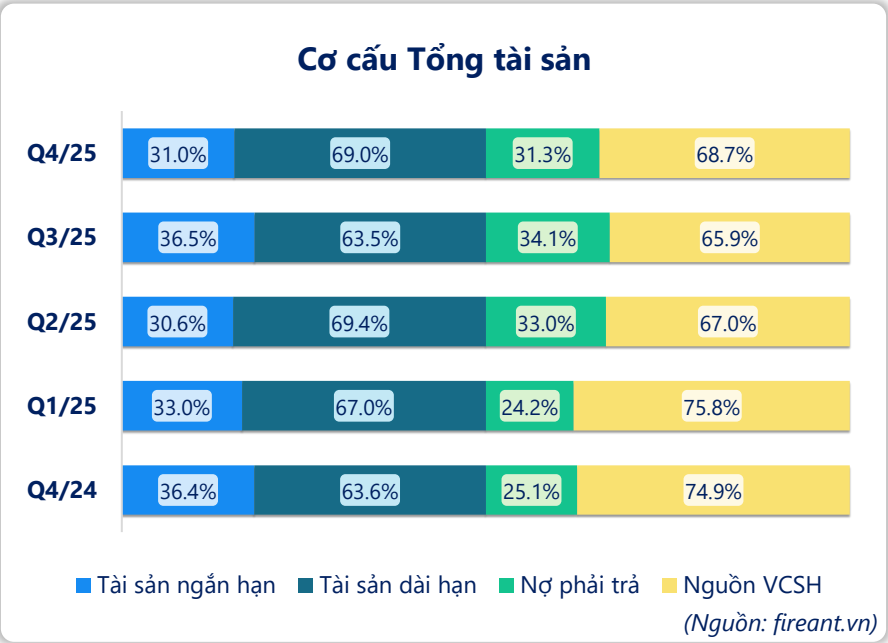
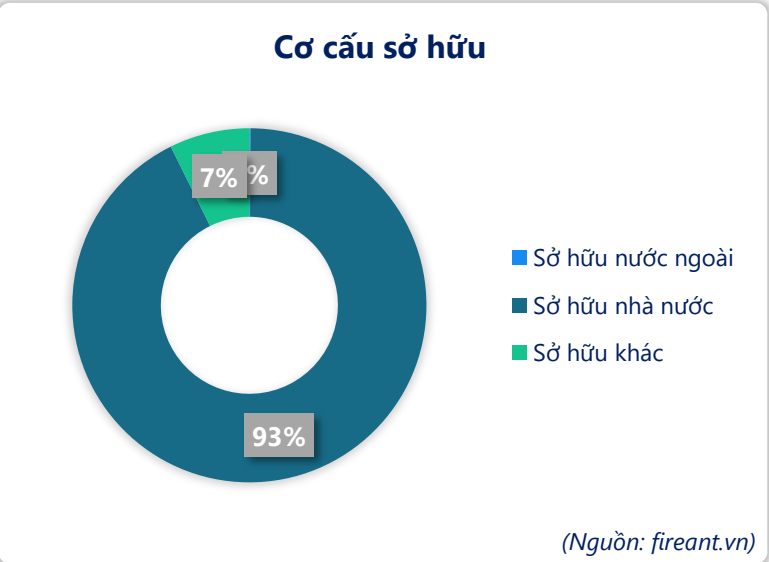
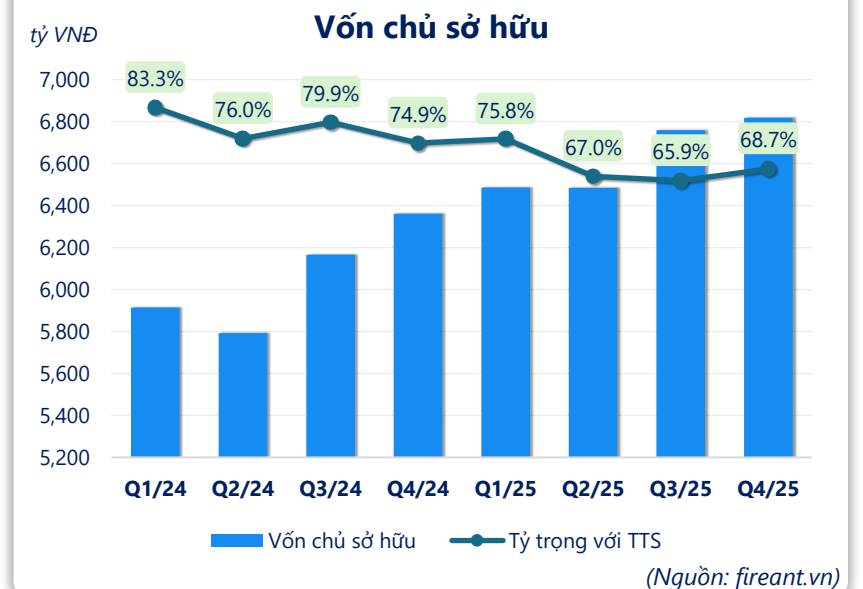
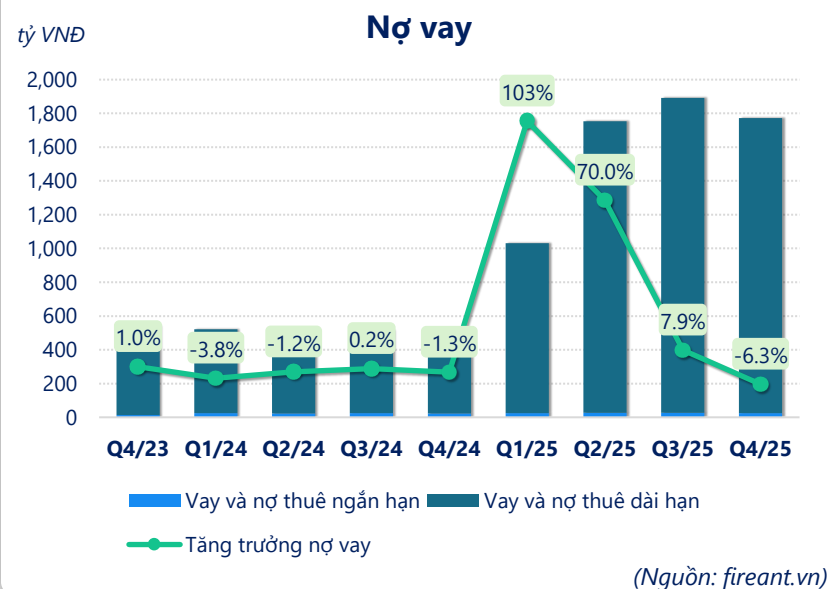
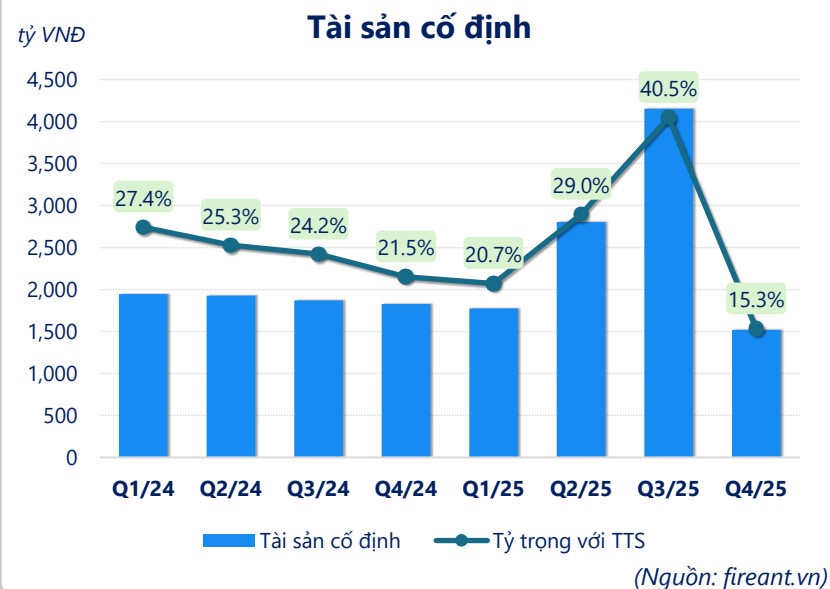
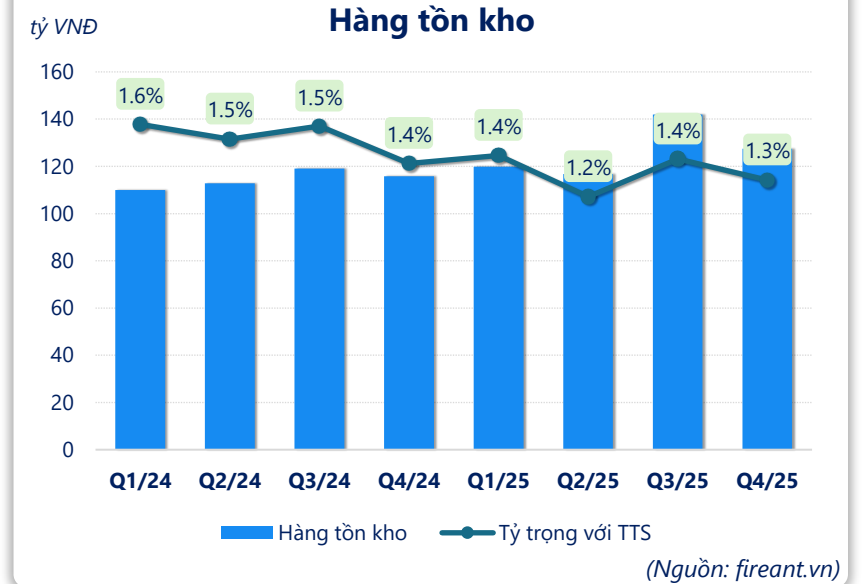
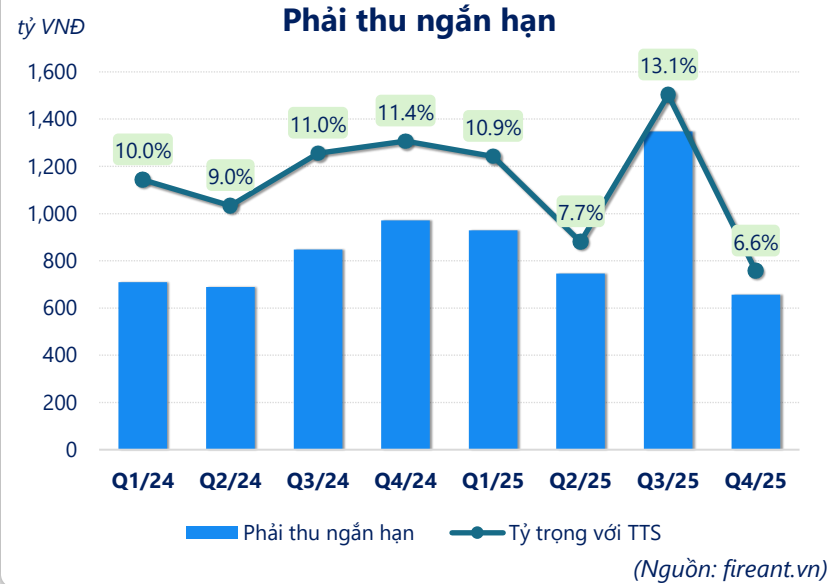
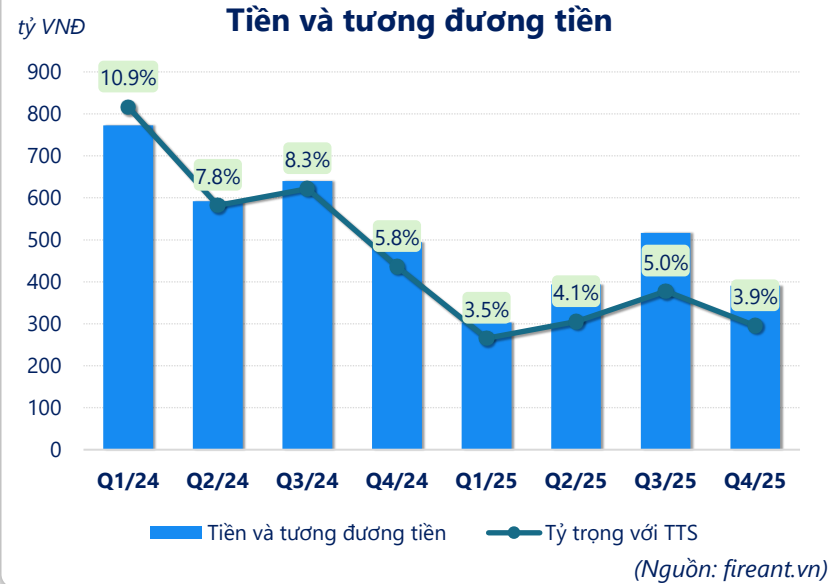
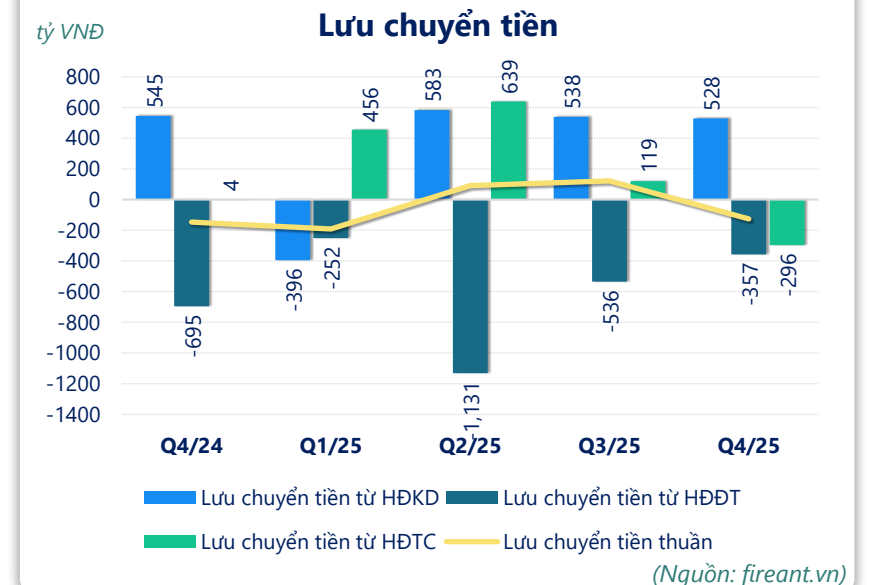
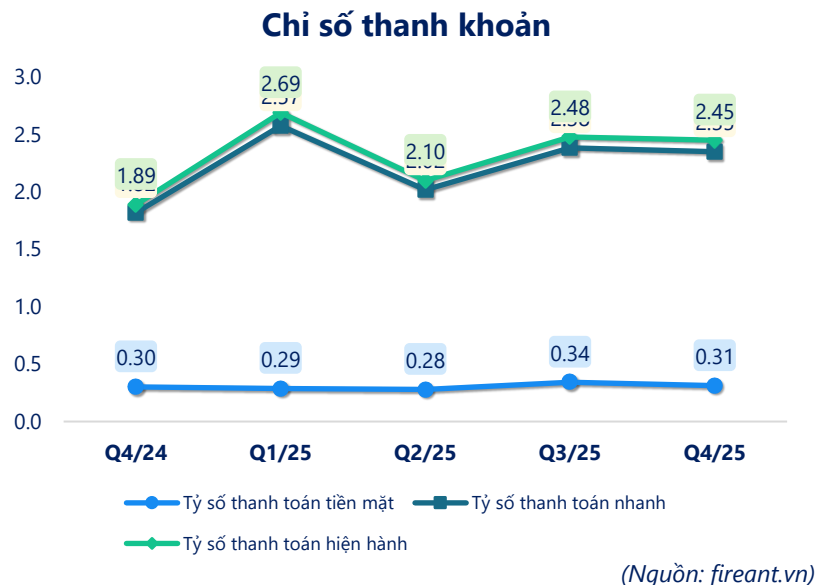
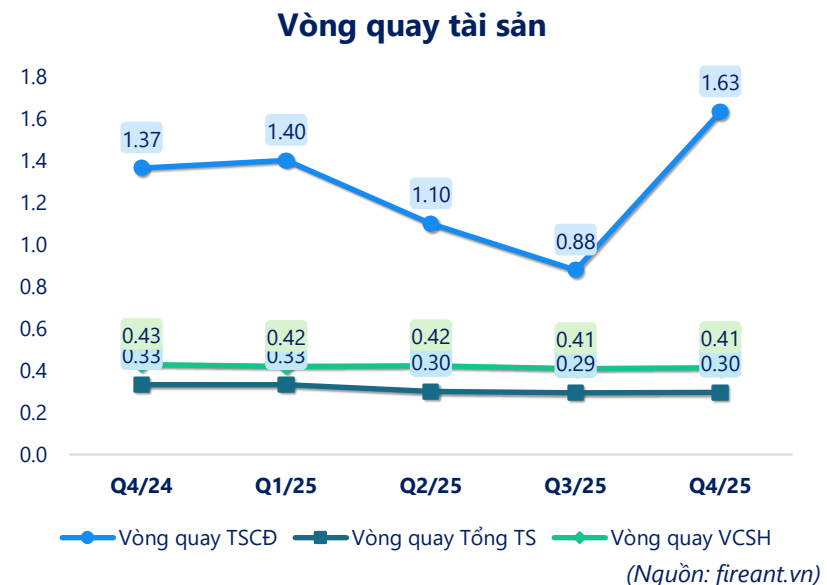
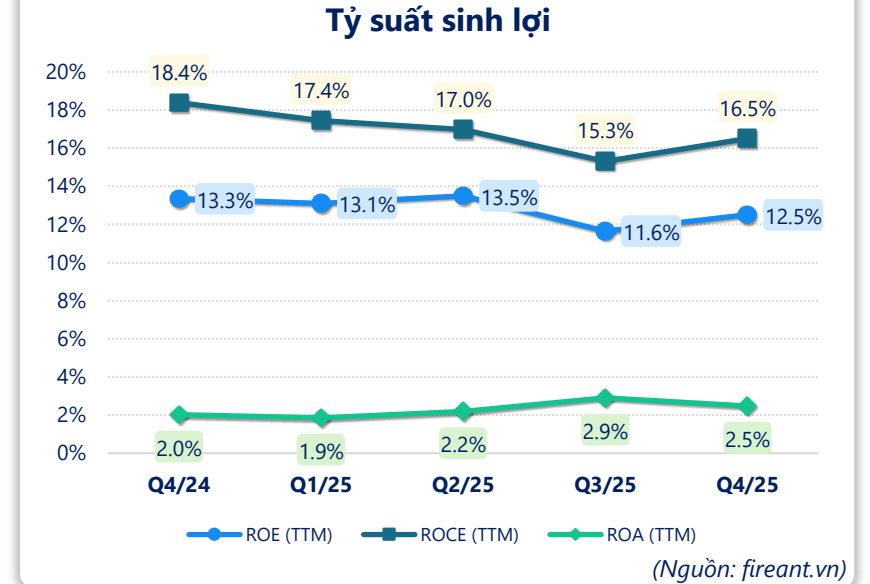
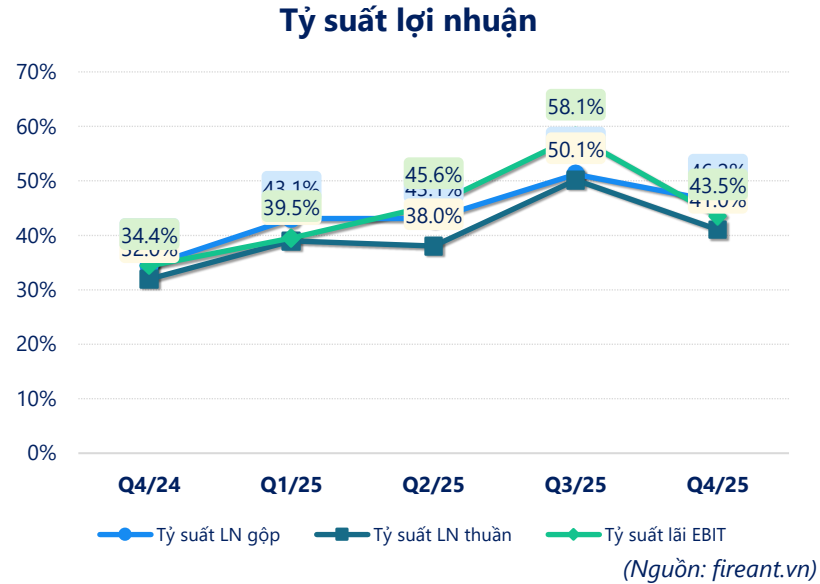
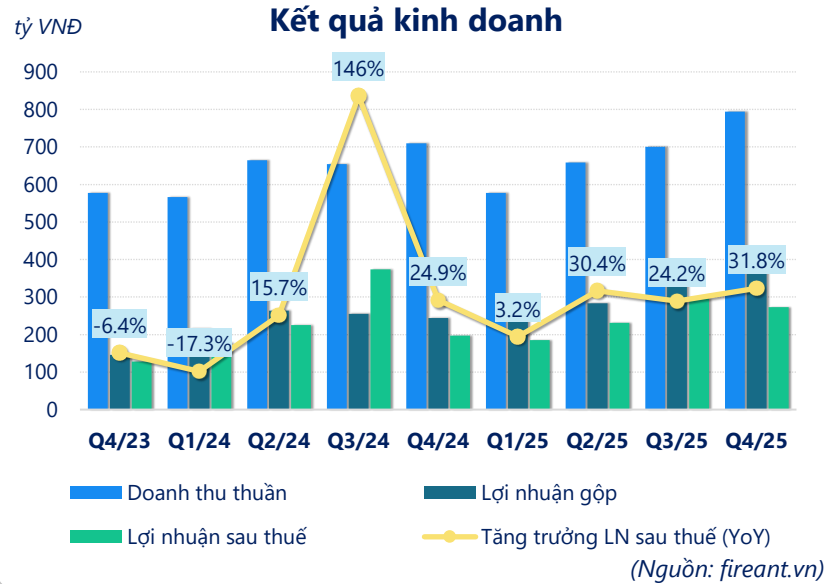


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		31,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		53,685
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		25,761
SL cổ phiếu LH		326,960,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		56,545
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		10,201
P/E		12.4
EPS		2,520

	YTD	1T	3T	6T
PHP	-26.0%	-6.3%	-9.0%	-16.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	9,917	8,494	16.8%
Tài sản ngắn hạn	3,071	3,094	-0.7%
Tiền và tương đương tiền	390	494	-21.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,551	1,345	15.3%
Phải thu ngắn hạn	656	973	-32.5%
Hàng tồn kho	127	116	10.0%
Tài sản ngắn hạn khác	346	166	108%
Tài sản dài hạn	6,846	5,400	26.8%
Phải thu dài hạn	0.05	0.09	-44.1%
Tài sản cố định	1,518	1,826	-16.9%
Bất động sản đầu tư	2,582	0	
Tài sản dở dang	1,292	3,161	-59.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,365	315	333%
Tài sản dài hạn khác	89.8	96.8	-7.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,100	2,133	45.3%
Nợ ngắn hạn	1,254	1,638	-23.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	24.7	23.5	5.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	357	853	-58.2%
Nợ dài hạn	1,846	495	273%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,747	485	260%
Nguồn vốn chủ sở hữu	6,818	6,361	7.2%
Vốn chủ sở hữu	6,818	6,361	7.2%
Vốn điều lệ	3,270	3,270	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	710	577	658	700	794
Giá vốn hàng bán	466	329	375	342	427
Lợi nhuận gộp	244	249	284	358	367
Doanh thu HĐTC	39.4	10.9	22.0	29.2	40.2
Chi phí TC	-12.0	10.2	6.89	4.51	21.1
Chi phí lãi vay	1.68	2.53	-0.24	1.68	19.1
LN trong công ty LKLD	20.3	23.1	4.62	34.6	47.7
Chi phí bán hàng	0	0	0.27	0.19	0
Chi phí QLDN	89.0	47.5	52.6	66.4	108
LN thuần từ HĐKD	227	225	250	351	326
Lợi nhuận khác	15.3	0.60	49.8	54.2	0.50
LN trước thuế	242	226	300	405	326
Lợi nhuận sau thuế	197	185	231	296	273
LNST của CĐ cty mẹ	157	145	190	261	228

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	545	-396	583	538	528
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-695	-252	-1,131	-536	-357
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.58	456	639	119	-296
Tiền đầu kỳ	640	494	303	394	517
Lưu chuyển tiền thuần	-146	-191	91.3	122	-125
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.07	0.11	-0.46	1.30	-0.98
Tiền cuối kỳ	494	303	394	517	390

(Nguồn: fireant.vn)